

C.Tam gửi các trường, xin ý kiến

Đ/c (PCT) X → xin ý kiến

T.Lag

UBND HUYỆN CÚ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 549/GDDT

V/v khảo sát nhu cầu thực tế mua sắm,
sửa chữa tại các trường mầm non, tiểu
học, trung học cơ sở và các đơn vị trực
thuộc huyện năm học 2019-2020

UBND HUYỆN CÚ CHI

Số: 2289
ĐẾN Ngày: 05/6/20

Chuyên: Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Đoàn khảo sát nhu cầu mua sắm sửa chữa nhà ở tại các trường năm 2020.

Viết hồ sơ số:

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chủ trì phối hợp cùng Phòng Quản lý Đô thị huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực huyện rà soát lại các danh mục bức xúc cần sửa chữa, các danh mục mua sắm cần thiết như máy vi tính, bàn ghế, bảng tương tác... phục vụ cho năm học 2019-2020 và chương trình Giáo dục Phổ thông 2018.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện xin báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân huyện như sau:

(Có danh mục đính kèm)

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện kính trình Thường trực UBND huyện xem xét quyết định./. *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Hoài Phú, CT.UBND huyện;
- Đ/c Thanh Hiền, PCT.UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Lưu: VT.

(Thay
báo cáo)



Trần Văn Toàn

Chào PGDDT và PTKT
gửi cho tất cả các Trường
xem cm ý kiến gì không?
Nếu các
trường cm
như câu
thứ hợp
hợp để
b/cáo TTUB

Kính gửi: Thường trực Ủy ban nhân dân huyện

PHÓ CHỦ TỊCH
hà



Thị Thanh Hiền

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
SỬA CHỮA TÀI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2020

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Năm 2020		13.317.531.000	
1	Khối Mầm non		3.093.432.000	
1	Trường MN Thị trấn Củ Chi 2	- Sơn mới lại tường rào xung quanh trường khu B. - Xử lý chống thấm sàn mái, lớp tole chống thấm khu B. - Lợp tole lồi hành lang khu B. - Chống thấm trần nổi hành lang khu vực thang nâng Khu A.	371.037.000	Ban
2	Trường MN Tân Thông Hội 1	- Chống thấm sê nô, cải tạo hệ thống thoát nước nhà vệ sinh, sơn lại trần hành lang bị thấm - Lắp mới cửa cuốn kéo tay cho nhà bếp. - Phòng truyền thống: Chống đột, chống thấm; Sơn lại trần hành lang lầu 1. - Phòng y tế, tài vụ: Xử lý vị trí khe lún, sơn lại hoàn thiện; Sơn tường ngoài phòng giáp hành lang. - Lớp mái 1: Tháo dỡ trần cũ hư hỏng; Lamin trần tole; Thay thế hệ thống ống thoát nước trên trần vệ sinh. - Phòng thể chất: Sơn lại trần hành lang; Chống đột mái BTCT hành lang 130m2.	981.000.000	Ban
3	Trường MN Tân Thông Hội 2	- Lamin mới vách ngăn nhôm kính nhà bếp. - Cải tạo vách ngăn giữa phòng học và nhà vệ sinh của trẻ bằng ô kính. Xử lý vết nứt tường phòng giáo dục thể chất và phòng lớp lá 5. - Sửa chữa chống thấm sàn vệ sinh phía trên thư viện và lớp chồi 1, chống đột trần la phòng lớp chồi 1 và thư viện.	121.572.000	Trường
4	Trường MN Nhuận Đức		409.494.000	Ban

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Trường MN Phú Hòa Đông	- Sơn dầu tất cả cửa sắt các phòng học và văn phòng; tay vịn cầu thang - Cán bê tông nền khu vực phía sau nhà bếp	437.484.000	Ban
6	Trường MN An Nhơn Tây	1/ Điểm Chọc Cũ: - Lâm vách ngăn (nhôm - kiếng) khu vực tiếp phẩm. - Sơn mới lại bờ tường rào mặt trước cổng trường do bị xuống cấp trầm trọng. 2/ Điểm Lô 6: - Lắp đặt thêm hố ga và các rãnh thu gom nước về hố ga hiện hữu	65.327.000	Trường
7	Trường MN Trung Lập Hạ	Sửa chữa vết nứt trần nhà của lối đi hành lang lầu 1 dây lầu sau của trường và chống thấm trần	131.726.000	Trường
8	Trường MN Tân Thanh Đông	- Lâm mới sàn rửa chén - Chống thấm dột trần các lớp học bị thấm nước - Sửa chữa thang nâng thức ăn và thay mới Moter tại điểm chính	430.317.000	Ban
9	Trường MN Tây Bắc	- Mái hiện chống tạt tại tầng 2, tầng 3	145.475.000	Trường
II	Khối Tiểu học		6.544.595.000	
1	Trường TH Thị trấn Củ Chi	- Sửa chữa cửa sổ dây A1 (14 phòng) - Sửa chữa khung cửa sổ 05 phòng học dây A2 - Sửa chữa cửa đi (2 bộ khối văn phòng), chống thấm, dột sê - nô khu văn phòng, nhà ăn học sinh, phòng bảo vệ. - Thay 03 tay vịn cầu thang các dãy phòng học bằng inox	507.673.000	Ban
2	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	Sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh học sinh lầu 1, lầu 2	388.581.000	Ban
3	Trường TH Nguyễn Thị Lăng	1/ Phân hiệu ấp Giữa Xã Tân Phú Trung - Nâng cấp, cải tạo sân (25 cm) - Thay 12 bộ cửa nhà vệ sinh. - Sơn mới 04 phòng học và tường rào mặt tiền	574.750.000	Ban

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
4	Trường TH Tân Phú Trung	- Làm trần tole, sửa chữa hệ thống chiếu sáng hội trường. - Làm trần tole, thay mới hệ thống chiếu sáng khu vệ sinh học sinh tầng trệt. - Làm trần hành lang phía trước khu vệ sinh bằng trần thạch cao phẳng (che trần BTCT bị thấm) + sơn hoàn thiện. - Sửa chữa hệ thống thoát nước phòng vệ sinh học sinh lầu 1. - Xử lý vết nứt sàn, sơn lại vách tường bị thấm giữa phòng học chung và phòng vệ sinh học sinh trệt. - Thay 40 bộ cửa bằng nhựa của các nhà vệ sinh (cơ sở chính) bằng chất liệu nhôm	569.018.000	Ban
5	Trường TH Tân Thông Hội	- Thay mới 01 bàn cầu vệ sinh nam - Sửa chữa, nạo vét hệ thống cống thoát nước - Sửa chữa, gia cố lại cửa sổ (mặt sau) các phòng học - Cán vữa tạo dốc sân trường.	501.703.000	Ban
6	Trường TH Bình Mỹ 2	Xây mới sân khấu trên sân trường	207.306.000	Ban
7	Trường TH Phạm Văn Cội	- Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà ăn của học sinh bán trú; Làm trần tole phòng hội trường.	1.823.102.000	Ban
8	Trường TH Lê Thị Pha	Nâng nền sân trước, sân sau tại điểm học Xóm Huế	305.118.000	Ban
9	Trường TH Trung Lập Hạ	- Sửa trần hành lang lầu 2 - Thay la phong cầu thang, các phòng học lầu 2, hội trường bằng tole lạnh - Sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	1.667.344.000	Ban
III	Khối THCS		3.679.504.000	
1	Trường THCS Tân An Hội	- Sơn lại sảnh giữa và tường hàng rào - Sửa chữa chống thấm khu nhà vệ sinh học sinh và khe lún - Lợp tôn chống thấm hành lang dãy phòng học	271.947.000	Ban
2	Trường THCS Tân Tiến	- Sơn và gia cố cổng trường và tường rào (tường xi măng và trụ sắt, khung sắt); sơn mới nhà bảo vệ - Xử lý chống thấm và làm trần tole nhà vệ sinh khu B	435.336.000	Ban

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
3	Trường THCS Tân Phú Trung	Cơ sở 1 (Áp Đình, xã Tân Phú Trung): Cải tạo nền hành lang, nhà vệ sinh, phòng học khu C; cải tạo nền bực giảng 15 phòng học	98.891.000	Trường
4	Trường TH-THCS Tân Trung	- Sửa chữa cánh cổng của hai công nhà trường - Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	532.688.000	Ban
6	Trường THCS Phước Hiệp	Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên dãy văn phòng, nhà vệ sinh học sinh và sửa hộp gain	363.568.000	Ban
7	Trường THCS Phước Thạnh	Lót gạch nền nhám thay cho nền nhà đa năng	483.083.000	Ban
8	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	- Làm trần tole phòng hội trường - Sửa chữa, cải tạo toàn bộ khu vực nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	708.163.000	Ban
9	Trường THCS Nhuận Đức	- Gia cố lại những tấm lam trang trí hành lang tầng trệt - Làm trần tole phòng vệ sinh nữ (lầu 3), xử lý nền gạch phòng đoàn đội, phòng học lầu 3 bị mô lên	26.527.000	Trường
10	Trường Bồi dưỡng Giáo dục	- Sửa chữa sàn gạch hành lang tầng trệt và lầu	26.800.000	Trường
11	Trường THCS Trung An	- Phòng vệ sinh 1 và 2: Làm trần tole, thay mới 16 xi bet, thay 16 bộ cửa cũ bằng cửa nhôm, đục - lát lại nền gạch, cải tạo hệ thống cấp thoát nước. - Khổi văn phòng: Làm mới mái tole che mái BTCT bị thấm dột khu hành lang, sơn lại trần hành lang.	732.501.000	Ban

Phòng GD&ĐT huyện

Phòng Quản lý DT huyện

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Ban Quản lý DA ĐTXĐKV huyện

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

MUA SẴM TÀI CÁCH TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2020

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4+5
	Năm 2020		6.816.854.800	3.173.062.257	9.989.917.057
1	Khối Mầm non		1.104.840.800	2.546.478.380	3.651.319.180
		Trang bị:			
		- Thảm cỏ nhân tạo: 200m ² x 132.000đ/m ² =26.400.000đ			
		- Bộ đồ chơi vận động leo núi liên hoàn bằng gỗ: 100.000.000đ			
		- Bộ vận động đa năng hình cầu: 10.000.000đ	0	241.400.000	
		- Bộ liên hoàn cầu trượt bằng gỗ: 70.000.000đ			
		- Cầu thang bằng dao động bằng gỗ: 20.000.000đ			
		- Bộ đồ chơi mút xốp vận động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ: 15.000.000đ			
1	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 3	- Màn vải khung hộp nhôm, son tĩnh điện cao cấp, kích thước: 1.257,7m x 147.000đ/m=184.881.900đ	184.881.900	0	426.281.900

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHDSN, XH hóa	Thành tiền
2	Trường MN Tây Bắc	Trang bị: - Đồ dùng đồ chơi mẫu giáo 5 tuổi theo QĐ 3141/QĐ-BGDĐT: 180.000.000đ - Đồ chơi ngoài trời: 89.000.000đ + Bộ lục giác hình trụ: 12.000.000đ + Bộ vận động liên hoàn: 52.000.000đ + Bộ vận động nhà trẻ: 25.000.000đ - Kệ nhà trẻ: 990.000đ x 10 cái = 9.900.000đ	0	278.900.000	293.900.000
		- Máy in Canon 2990: 3.000.000đ x 5 cái = 15.000.000đ	15.000.000	0	
3	Trường MN Tân Phú Trung 2	Trang bị: - Thiết bị đồ chơi ngoài trời 03 điểm dây (3 thang đu dây, 3 thang xoay): 34.680.000đ - Thảm cỏ nhân tạo: 15.000.000đ	0	49.680.000	59.680.000
		- 01 máy in 02 mặt: 10.000.000đ	10.000.000		
4	Trường MN Tân Thông Hội 1	Trang bị: - Bộ đồ chơi vận động: 66.150.000đ - Hệ thống hút khói nhà bếp: 79.273.000đ - Màn hình tương tác thông minh: 81.900.000đ	57.330.000	145.423.000 24.570.000	227.323.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
5	Trường MN Tân Thông Hội 2	Trang bị: - 01 bồn rửa chén đứng có 03 ngăn bằng Inox - Dụng cụ phòng thể chất (12 hạng mục) - 06 bộ bàn, ghế làm việc	14.880.000	0 22.320.000 0	37.200.000
6	Trường MN Tân Thông Hội 3	Trang bị: - 03 Tủ đựng nệm gối cho trẻ - 01 giường y tế phục vụ cho trẻ - 01 Tủ hấp khăn cho trẻ Trang bị: - 05 Tủ hồ sơ văn phòng - 01 Bộ bàn ghế phục vụ hội họp (01 bàn, 35 ghế) - 05 Bộ bàn ghế làm việc - 01 thiết bị chữa cháy và thiết bị thu lời Trang bị: (Trường được Sở GD góp ý công nhận Chuẩn QG) - 02 Tủ chứa dụng cụ âm nhạc: 02 cái x 5.000.000đ=10.000.000đ - 10 cái bồn hoa: 10 cái x 500.000đ=5.000.000đ - 09 xe Inox/ 9 lớp: 09 xe x 5.000.000đ=45.000.000đ - 09 Ghế rửa Inox: 09 ghế x 560.000đ=5.040.000đ - 01 hàng rào chắn: 01 x 20m = 16.400.000đ - 200 m2 cỏ nhân tạo sân chơi: 200m2 x 240.000đ=48.000.000đ - 09 Tủ cấp, dép có cửa: 09 tủ x 3.500.000= Trang bị: - 100 bộ bàn ghế học sinh (100 bộ x 1.073.000đ)=107.300.000đ	130.182.000	0 63.100.000 0	193.282.000
7	Trường MN Nhuận Đức			0 160.940.000	160.940.000
8	Trường MN Phạm Văn Cội 1		107.300.000	0 0	107.300.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHDSN, XH hóa	Thành tiền
9	Trường MN An Nhơn Tây	Trang bị điểm Chợ Cũ: - Xe và cân thực phẩm - 02 màn thủy sản treo cửa ra vào nhà bếp		0	71.850.000
		Trang bị điểm Chợ Cũ: - 01 hệ thống âm thanh sử dụng cho hội họp, ngày lễ hội - 20 máy hệ thống loa mini trong phòng máy của giáo viên - 20 bàn, 40 ghế cho trẻ từ 4-5 tuổi	61.500.000	0	
10	Trường MN Tân Thành Tây	Trang bị: - 01 máy cắt rau củ - 01 Bộ Camera 8 kênh (05 mắt) - 01 máy xay thịt - Đồ chơi cho trẻ theo danh mục 3141 - 18 tủ đựng nệm gối cho học sinh - cơ sở 2		0	604.246.900
		Trang bị: - 18 tủ đựng hồ sơ giáo viên ở các lớp - cơ sở 2	85.446.900	0	
11	Trường MN Nguyễn Thị Dầu	Trang bị: - Máy xay thịt (01) - Máy vắt rau, củ quả (01) - Bàn chia thức ăn (01) - Bàn vắt thái (01) - Tủ hấp khăn (01)		0	121.026.000
		16 bảng quay cho các lớp	15.920.000		

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
12	Trường MN Tân Thành Đông	Trang bị: - Máy xay thịt - Máy vắt rau củ - Tủ hấp khăn - Hệ thống hút khói nhà bếp Trang bị: - 150 bộ bàn ghế điểm phân hiệu ấp 1 - 01 máng nước bằng Inox cho trẻ rửa tay tại điểm chính ấp 8	182.400.000	130.541.000 0	312.941.000
13	Trường MN Hòa Phú	Trang bị: - 01 Tủ hấp khăn - 04 Bộ Đồ chơi ngoài trời - 20 Kệ đồ chơi cá nhân cho lớp nhà trẻ - Thảm phòng âm nhạc (12x7=84m2) - Thảm cỏ nhân tạo (100m2)		0 298.814.000	298.814.000
14	Trường MN Bình Mỹ	Trang bị: - 03 Bộ đồ chơi ngoài trời - Thảm cỏ nhân tạo lót đồ chơi ngoài trời cho trẻ		0 51.744.000	51.744.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHDSN, XH hóa	Thành tiền
15	Trường MN Trung An 2	Trang bị: - 01 máy xay thịt - 02 xe đẩy com 3 tầng - 01 tủ hấp khăn - 01 máy giặt - 02 tủ đựng chén - 01 bộ cầu trượt liên hoàn - 100m thảm cỏ nhân tạo - 03 băng ghế thể dục - 02 cầu trượt thô đơn nhà trẻ - 05 xe chòi chân cho bé - 03 cái bậc cao - 03 ống chui	0	178.200.000	178.200.000
16	Trường MN Phước Thạnh	Trang bị: - Đồ chơi theo danh mục 3141 cho 2 điểm học (vì trường nằm trong lộ trình xây dựng Trường Chuẩn quốc gia) Xin kinh phí trang trí cho 2 điểm học mới	240.000.000	266.590.380	506.590.380
II	Khối Tiểu học	Trang bị: - 10 cái bảng từ cho 10 lớp học - 01 màn hình LCD 21 inch - 20 bàn học sinh 02 chỗ ngồi phòng vi tính mới - 40 ghế học sinh 01 chỗ ngồi phòng vi tính mới - 01 bộ máy chiếu :29700000 - 01 máy in hiệu Canon 2900:3000000	3.570.260.000	427.690.877	3.992.950.877
I	Trường TH Thị trấn Củ Chi		133.800.000	0	133.800.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTĐSDN, XH hóa	Thành tiền
2	Trường TH Phước Vĩnh An	Trang bị: - 150 bộ bàn ghế 01 chỗ -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế); 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới)	272.574.000	0	272.574.000
3	Trường TH Trần Văn Chấn	Trang bị: - 90 bộ bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi - 01 Mái che sân khấu ngoài trời ở sân trường (50m2) (xã hội hóa) - 05 Tủ lớp học (Tủ nguồn nhà trường) -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) ; 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới)	203.574.000	40.750.000	244.324.000
4	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	Trang bị: 150 bộ bàn ghế học sinh (loại 01 chỗ)	172.500.000	0	172.500.000
5	Trường TH Tân Phú Trung	Trang bị: -35 bộ bàn ghế cho HS ; 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới) -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) ; 01 bộ bàn ghế cho GV và hệ thống mạng và âm thanh đi kèm	253.998.000		

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHDSN, XH hóa	Thành tiền
5	Trường TH Tân Phú Trung	Trang bị: - 12 Tủ hồ sơ, 12 tủ chiếu gối cho các phòng học, hs bán trú tại phân hiệu (Từ quỹ PTHDSN) - Trang bị vật tư phòng máy vi tính (từ nguồn tin học)		178.670.000	432.668.000
6	Trường TH Tân Phú	Trang bị cho phòng Vi tính mới: -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) ; 01 bộ bàn ghế cho GV và hệ thống mạng và âm thanh đi kèm - 01 TV tương tác	155.234.000	23.640.000	178.874.000
7	Trường TH Phước Thạnh	Trang bị: 100 bộ bàn ghế HS (loại 1 chỗ)	115.000.000	0	115.000.000
8	Trường TH Thái Mỹ	Trang bị: - 120 bộ bàn ghế HS (loại 1 chỗ): 138.000.000 đồng - Kinh phí trang bị bàn đồ, tranh ảnh, 05 nhiệm vụ học sinh, trích thư Bác Hồ, 2 bảng chữ viết để trang trí phòng chức năng và các phòng học	138.000.000	15.730.000	153.730.000
9	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	Trang bị: - 175 bộ bàn ghế HS loại 1 chỗ - 06 Tủ kệ sách cho phòng thư viện-thiết bị - Kinh phí trang trí cho trường xây mới: 120.000.000 đồng	348.970.000	0	348.970.000
10	Trường TH An Phú 1	Trang bị: 01 máy in(03 trong 1)	10.000.000	0	10.000.000
11	Trường TH Tân Thông Hội	Trang bị: 80 bộ bàn ghế học sinh (loại 01 chỗ)	92.000.000	0	92.000.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tín học, Quỹ PTHDSN, XH hóa	Thành tiền
12	Trường TH Phú Hòa Đông	Trang bị: trang trí trường lớp	120.000.000	168.900.877	288.900.877
13	Trường TH Bình Mỹ 2	Trang bị: trang trí các phòng học và phòng chức năng	120.000.000	0	120.000.000
14	Trường TH An Nhơn Đông	Trang bị: - 140 bộ bàn ghế học sinh (loại 1 chỗ) - Các thiết bị, bàn ghế hỗ trợ Phòng vi tính mới phục vụ CT GDPT 2018 gồm: + 20 bộ Bàn ghế vi tính cho học sinh (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) và 01 bộ bàn ghế vi tính cho GV + 01 màn hình tương tác + 01 bộ lưu điện, ổn áp, hệ thống điện và hệ thống mạng kèm theo	456.790.000	0	456.790.000
15	Trường TH Phạm Văn Cội	Trang bị: - 20 bộ Bàn ghế vi tính cho học sinh (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) và 01 bộ bàn ghế vi tính cho GV và các thiết bị hỗ trợ	100.074.000	0	100.074.000
15	Trường TH Phạm Văn Cội	- 01 Tủ lưu hồ sơ: 01 cái x 5.000.000 đồng=5.000.000 đồng	5.000.000		
16	Trường TH Bình Mỹ	Trang bị: - 55 bộ bàn ghế cho học sinh (loại 01 chỗ ngồi);01 bảng từ, 01 bộ bàn ghế giáo viên -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) ; 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới)	169.724.000	0	169.724.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tín học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
17	Trường TH Tân Thành Đông 2	Trang bị cho phòng Tin học: -20 bộ bàn ghế cho HS (20 bàn loại 2 chỗ, 40 ghế) ; 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới)	100.074.000	0	100.074.000
18	Trường TH Lê Thị Pha	Trang bị cho phòng Tin học: 20 bộ bàn ghế cho HS (loại 2 chỗ); 01 bộ bàn ghế cho GV và các thiết bị hỗ trợ (cho phòng Vi tính mới)	100.074.000	0	100.074.000
19	Trường TH Phú Hòa Đông 2	Trang bị cho 02 phòng Tin học mới: 40 bộ bàn ghế cho HS (40 bàn loại 2 chỗ, 80 ghế) ; 02 bộ bàn ghế cho GV; 02 bảng tương tác và hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm	445.374.000	0	445.374.000
20	Trường TH Liên Minh Công Nông	50 bộ bàn ghế cho học sinh (loại 01 chỗ ngồi)	57.500.000		57.500.000
III	Khối THCS		2.112.054.000	172.390.000	2.213.244.000
1	Trường THCS Tân An Hội	Trang bị: - 100 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ ngồi) - 03 máy in (từ nguồn phát triển hoạt động sự nghiệp)	198.000.000	9.000.000	207.000.000
2	Trường THCS Tân Tiến	Trang bị: 01 máy Scan	2.900.000	0	2.900.000
3	Trường THCS Tân Phú Trung	Trang bị: - 02 bảng tương tác phục vụ công tác giảng dạy - 01 máy chiếu phục vụ công tác giảng dạy:29.700.000đồng - 02 máy laptop phục vụ công tác giảng dạy:26.000.000 đồng	244.700.000	81.000.000	325.700.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
4	Trường THCS Tân Thanh Tây	Trang bị: - 01 Đàn Organ phục vụ giảng dạy - 04 Máy cassette phục vụ giảng dạy Trang bị: - 01 máy chiếu phục vụ giảng dạy - 01 hệ thống âm thanh - 01 máy Laptop phục vụ giảng dạy: 13.000.000 đồng	71.200.000	0	88.130.000
5	Trường TH-THCS Tân Trung	Trang bị: - 250 bộ ghế (01 chỗ ngồi) - 90 bộ bàn ghế (02 chỗ ngồi) - 01 hệ thống âm thanh sinh hoạt dưới cờ, tổ chức lễ hội.... - 01 phòng vi tính mới: 24 bộ bàn ghế cho học sinh, 01 bộ bàn ghế cho giáo viên, hệ thống điện và internet kèm theo, 01 bảng tương tác	710.634.000	40.500.000	751.134.000
6	Trường THCS Tân Thanh Đông	Trang bị: + 50 bộ bàn ghế HS (loại 2 chỗ) + 01 ti vi cho phòng nghe nhìn	114.690.000	0	114.690.000
7	Trường THCS Trung Lập Hạ	Trang bị: - 01 cái Camera 08 mắt: 01 cái x 29.200.000=29.200.000đ - 03 Tủung rác: 03 cái x 1.700.000=5.100.000đ - 01 loa di động: 01 cái x 7.590.000=7.590.000đ	0	41.890.000	41.890.000
8	Trường THCS Trung Lập	Trang bị: 01 máy in A3	10.000.000	0	10.000.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tín học, Quỹ PTHĐSN, XH hóa	Thành tiền
9	Trường THCS Phước Thạnh	Trang bị: - 100 bộ bàn ghế HS (02 chỗ) - 01 bàn hợp lớn (dành cho 50 GV ngồi) (phòng truyền thống)	246.100.000		246.100.000
10	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	Trang bị: 100 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ)	198.000.000		198.000.000
11	Trường THCS Thị Trấn	Trang bị: 100 bộ Bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ)	198.000.000		198.000.000
12	Trường THCS Thị Trấn 2	Trang bị: 01 bộ máy chiếu, màn hình, giá treo máy chiếu	29.700.000	0	29.700.000
13	Trường THCS Nhuận Đức	01 Laptop phục vụ giảng dạy	13.000.000		13.000.000
IV	Các đơn vị trực thuộc		29.700.000	26.503.000	56.203.000
1	Trường Nuôi dạy Trẻ em Khuyết tật	Trang bị: 01 đầu máy chiếu Projector	29.700.000	0	29.700.000
2	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	Trang bị: -06 hệ thống Camera (6 mắt) an ninh khuôn viên, hành lang trường - 01 tivi LCD		26.503.000	26.503.000

Phòng GD&ĐT huyện

Phòng Quản lý DT huyện

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Ban Quản lý DA ĐTXĐKV huyện

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
MUA SẴM TẬP TRUNG TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS
VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2020

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tín học, Quỹ PTHĐSN	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4+5
	Năm 2020		5.726.130.000	3.797.200.000	9.523.330.000
I	Khối Mầm non		135.000.000	180.000.000	315.000.000
1	Trường MN Tây Bắc	10 máy lạnh Toshiba 2HP: 18.000.000đ x 10 cái Từ nguồn Quỹ PTHĐ sự nghiệp của Trường		180.000.000	180.000.000
2	Trường MN Tân Phú Trung 2	01 bộ máy vi tính phục vụ công tác quản lý của Trường	15.000.000	0	15.000.000
3	Trường MN Tân Thông Hội 2	05 bộ máy vi tính	75.000.000	0	75.000.000
4	Trường MN Phú Hòa Đông	03 bộ máy vi tính cho bộ phận văn phòng	45.000.000	0	45.000.000
II	Khối Tiểu học	Trang bị: - 01 bộ máy vi tính để bàn phục vụ công tác văn thư của Trường	5.017.250.000	2.747.700.000	7.764.950.000
1	Trường TH Thị trấn Cù Chi	Trang bị phục vụ chương trình phổ thông 2018 (đã có nhưng cần nâng cấp) 35 bộ máy vi tính cho phòng máy mới 01 Máy lạnh 2 HP (Phòng vi tính)	525.000.000 19.450.000		559.450.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tài học, Quỹ PTHĐSN	Thành tiền
2	Trường TH Trần Văn Châm	Trang bị: - 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng =15.000.000đ	15.000.000		555.000.000
		Trang bị mới cho cơ sở 2: - 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng =525.000.000 đồng - 01 máy vi tính cho Phòng Y tế	525.000.000 15.000.000		
3	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	01 máy Photocopy (không giải quyết)	0	0	0
4	Trường TH Phước Hiệp	01 máy Photocopy (không giải quyết) Trang bị: - 68 bộ máy vi tính - 02 bộ máy chủ - 02 bộ tủ điện	0	0	0
5	Trường TH Tân Thạnh Tây			1.056.000.000	1.056.000.000
6	Trường TH Bình Mỹ 2	01 máy Photocopy Canon IR 2520W(không giải quyết) - 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng =15.000.000đ	0 15.000.000	0	0
7	Trường TH Tân Phú Trung	- 02 cái máy lạnh: 02 x 19.450.000đồng=34.000.000đ ' - 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng=525.000.000đ (Nguồn tin học) và hệ thống đi kèm		563.900.000	578.900.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Nghân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN	Thành tiền
8	Trường TH Tân Phú	- 01 máy giáo viên: 15.000.000đồng=15.000.000đ	15.000.000		578.900.000
		- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng=525.000.000đ (Nguồn tin hoc)	525.000.000		
		02 cái máy lạnh	38.900.000		
9	Trường TH An Nhơn Đông	-01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng=15.000.000đ	15.000.000		578.900.000
		- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng=525.000.000đ		525.000.000	
		- 02 cái máy lạnh		38.900.000	
10	Trường TH Phạm Văn Cội	- 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng=15.000.000đ	15.000.000		578.900.000
		- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng=525.000.000đ		525.000.000	
		- 02 cái máy lạnh: 02 x 19.450.000đồng=34.000.000đ		38.900.000	
11	Trường TH Lê Thị Pha	- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng=525.000.000đ	525.000.000		540.000.000
		- 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng =15.000.000 đồng	15.000.000		
		- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng= 525.000.000đồng	525.000.000		
12	Trường TH Bình Mỹ	- 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng =15.000.000 đồng	15.000.000		540.000.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tin học, Quỹ PTHĐSN	Thành tiền
13	TH Phước Vĩnh An	- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng= 525.000.000đồng - 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng=15.000.000 đồng	525.000.000 15.000.000	 	540.000.000
14	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	- 35 máy vi tính: 35 x 15.000.000đồng= 525.000.000đồng 01 máy giáo viên: 01 x 15.000.000đồng=15.000.000 đồng	525.000.000 15.000.000	 	540.000.000
15	Trường TH Phú Hòa Đông 2	- 02 máy giáo viên: 02 x 15.000.000đồng=30.000.000 đồng - 70 máy vi tính: 70 x 15.000.000đồng= 1.050.000.000đồng - 02 máy lạnh	30.000.000 1.050.000.000 38.900.000	 	1.118.900.000
III	Khối THCS		573.880.000	869.500.000	1.443.380.000
1	Trường THCS Tân Tiến	01 bộ máy vi tính phục vụ công tác quản lý của	15.000.000	0	15.000.000
2	Trường THCS Tân Thông Hội	08 máy lạnh (02 máy phòng lab, 02 máy phòng stem, 02 máy phòng nghe nhìn, 02 máy phòng thư viện)(Từ nguồn quỹ của Trường)	0 155.600.000	0	155.600.000
3	Trường THCS Phú Hòa Đông	01 máy Photocopy (không giải quyết)	0	0	0
4	Trường THCS An Phú	20 máy tính phục vụ cho học sinh	300.000.000	0	300.000.000

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	Ngân sách	Nguồn tài học, Quỹ PTHDSN	Thành tiền
5	Trường THCS Phước Hiệp	01 máy lạnh phòng y tế	0	19.450.000	19.450.000
6	Trường THCS Phước Thạnh	- 04 máy lạnh (02 phòng hội đồng; 02 phòng truyền thống) - 01 máy lạnh (phòng tài vụ) (từ nguồn quỹ PTHDSN)	77.800.000	19.450.000	97.250.000
7	Trường TH-THCS Tân Trung	- 45 máy vi tính cho học sinh và 01 máy vi tính cho giáo viên	15.000.000	675.000.000	690.000.000
8	Trường THCS Thị Trấn	01 máy Photocopy (không giải quyết)	0	0	0
9	Trường THCS Thị Trấn 2	06 máy lạnh phòng hội trường (2,5HP)(27.680.000 x 6=166.080.000đ)	166.080.000		166.080.000
10	Trường THCS Tân Thạnh Đông	01 máy Photocopy (không giải quyết)	0	0	0

Phòng GD&ĐT huyện Phòng Quản lý DT huyện Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ban Quản lý DA ĐTXDKV huyện